

Số: 52/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 07/TTr-STC ngày 04/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Chi tiết số liệu theo các biểu kèm theo Quyết định này).


Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Điện Biên, các đơn vị chủ đầu tư và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao Sở Tài chính có trách nhiệm Thông báo cho các đơn vị Chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Điện Biên; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT tỉnh ủy (B/C);
- TT HĐND - UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô



TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT		Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A		1	2	3	4=3-2	5
	TỔNG CỘNG	1.349.379.275.082	1.268.632.928.325	1.258.529.977.658	(10.102.950.667)	
	DỰ ÁN NHÓM B	556.337.170.886	536.814.594.346	531.161.084.592	(5.653.509.754)	
1	Đường từ trung tâm huyện Tuần Giáo - xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	70.000.000.000	69.534.413.000	69.407.313.000	-127.100.000	
2	Đường Nậm Kè - Pá Mý huyện Mường Nhé	106.600.000.000	102.358.206.000	102.093.518.000	-264.688.000	
3	Đường Ma Thi Hồ - Chà Tở, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	70.600.047.845	70.140.409.799	70.140.409.799	0	
4	Đường giao thông Trung Súa - Háng Lía - Pì Súa, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông	52.204.000.000	51.526.449.414	51.434.802.500	-91.646.914	
5	Dự án xây dựng Khu dân cư mới Bom La, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	131.953.523.041	130.362.459.790	126.630.314.400	-3.732.145.390	
6	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Điện Biên	57.194.600.000	56.530.818.292	56.369.731.493	-161.086.799	
7	Công trình San nền, đường giao thông thoát nước giai đoạn II, khu ĐDC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ (Quyết toán hạng mục Hệ thống thu gom và thoát nước thải khu ĐDC Noong Bua)	67.785.000.000	56.361.838.051	55.084.995.400	-1.276.842.651	
	DỰ ÁN NHÓM C	793.042.104.196	731.818.333.979	727.368.893.066	(4.449.440.913)	
8	Nước sinh hoạt tập trung khu vực Pom Lót, huyện Điện Biên	6.800.000.000	6.312.374.668	6.253.398.000	-58.976.668	
9	Trường mầm non thị trấn huyện Điện Biên	7.300.000.000	6.869.830.000	6.851.924.000	-17.906.000	
10	Trụ sở quản lý thị trường số 7, huyện Điện Biên Đông	2.800.000.000	2.492.668.000	2.485.654.000	-7.014.000	
11	Nước sinh hoạt bán Huổi Ban, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	1.866.000.000	1.646.956.587	1.544.135.000	-102.821.587	
12	Trụ sở quản lý thị trường số 8, huyện Mường Ảng	2.340.000.000	2.067.560.470	2.065.145.470	-2.415.000	
13	Kè bảo vệ cụm cột mốc 139 trên Biên giới Việt Nam - Lào thuộc địa bàn xã Phu Luông, huyện Điện Biên	18.424.000.000	16.804.225.000	16.658.757.000	-145.468.000	
14	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Noong Luông, Thanh An, huyện Điện Biên	1.400.000.000	1.312.153.000	1.312.145.000	-8.000	
15	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Quang Trung, Mường Tinh, Chua Ta, Keo Lôm; các trường tiểu học Xam Năm, Pá Vát, huyện Điện Biên Đông	8.600.000.000	8.039.291.000	8.031.853.000	-7.438.000	
16	Tiểu dự án GPMB QL12 đoạn Km 91+820- KM102 (bao gồm cả cầu Hang Tôm) thuộc đoạn tránh ngập thủy điện Sơn La địa phận thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	39.745.000.000	35.007.811.399	34.962.368.192	-45.443.207	
17	Thủy lợi bản Nà Hỷ 1, xã Nà Hỷ, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	3.329.690.788	3.144.835.000	2.953.106.000	-191.729.000	
18	Sửa chữa, nâng cấp nhà ở học viên tại trung tâm huấn luyện và trao đổi nghiệp vụ công an 6 tỉnh Bắc Lào thuộc Công an tỉnh Điện Biên	960.000.000	660.000.000	660.000.000	0	
19	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Điện Biên	950.000.000	948.773.000	939.549.000	-9.224.000	
20	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	1.400.000.000	1.167.762.000	1.167.756.000	-6.000	
21	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn các xã Hua Thanh, Thanh Nưa, huyện Điện Biên	1.720.000.000	1.488.400.000	1.484.593.000	-3.807.000	
22	Trường mầm non Xuân Lao, huyện Mường Ảng	2.500.000.000	2.338.426.000	2.335.430.000	-2.996.000	
23	Sửa chữa, nâng cấp trại chăn nuôi bò - Trung tâm phát triển chăn nuôi xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	500.000.000	458.080.000	455.872.000	-2.208.000	
24	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Công trình Nâng cấp đường Xá Nhè - Tà Huổi Tráng, khu ĐDC Tà Huổi Tráng - Tà Si Láng, xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	37.620.000.000	35.620.326.253	35.620.326.253	0	
25	Trường mầm non Ngồi Cây, huyện Mường Ảng	3.600.000.000	3.151.166.000	3.131.551.000	-19.615.000	
26	Trụ sở xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	8.000.000.000	7.678.054.000	7.648.632.000	-29.422.000	
27	Đường đi bản Tà Ko Ky, xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	8.288.776.000	7.802.445.000	7.414.778.000	-387.667.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
28	Lắp đặt, bổ sung đèn chiếu sáng tại sân hành lễ, trục hành lễ và hệ thống chống sét phát xạ sớm để bảo vệ các công trình kiến trúc của nghĩa trang liệt sĩ Độc Lập	735.000.000	733.149.000	722.536.000	-10.613.000	
29	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Sín Chải, Lao Xá Phình, Huổi Sô và Trường tiểu học số 2 Sính Phình, huyện Tủa Chùa	6.360.000.000	6.259.770.000	6.216.979.000	-42.791.000	
30	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Lạn và các bản lân cận huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	5.148.000.000	4.830.433.000	4.828.440.000	-1.993.000	
31	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Quải Nưa, xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	1.400.000.000	1.274.335.000	1.274.321.000	-14.000	
32	Trường mầm non Nậm Lịch, huyện Mường Ảng	5.400.000.000	4.924.632.000	4.895.148.000	-29.484.000	
33	Tu sửa hót sứt sạt đường tuần tra biên giới từ bản Nậm Ty đến mốc 104, xã Thanh Nưa; Tu sửa hót sứt sạt đường đất sinh từ bản Púng Bon đến bản Pa Thơm, xã Pa Thơm; Mở đường công vụ và xây dựng các mốc 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111	6.157.000.000	5.316.088.742	5.261.900.000	-54.188.742	
34	Trường mầm non Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông	3.200.000.000	2.828.162.000	2.797.762.000	-30.400.000	
35	Nhà lớp học nâng cao và cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi tỉnh Điện Biên	14.990.000.000	14.581.155.000	14.476.668.000	-104.487.000	
36	Trường mầm non Phình Giăng, huyện Điện Biên Đông	650.000.000	584.198.000	576.551.000	-7.647.000	
37	Cải tạo, sửa chữa Chi cục kiểm lâm tỉnh Điện Biên	900.000.000	893.859.799	871.541.000	-22.318.799	
38	Cải tạo, sửa chữa Hạt kiểm lâm huyện Tủa Chùa	670.000.000	659.306.330	653.880.330	-5.426.000	
39	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Hạt kiểm lâm thành phố Điện Biên Phủ	600.000.000	591.847.828	586.977.828	-4.870.000	
40	Trường mầm non Huổi Sô, huyện Tủa Chùa	1.450.000.000	1.441.834.000	1.438.068.000	-3.766.000	
41	Trường mầm non Tủa Thàng số 1, huyện Tủa Chùa	2.700.000.000	2.591.223.000	2.579.314.000	-11.909.000	
42	Xây dựng trụ sở làm việc tạm 3 xã: Nậm Nhừ, Nậm Chua, Vàng Đán	10.069.805.000	9.208.362.300	8.973.718.000	-234.644.300	
43	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Xá Nhè, Trung Thu, Tả Sín Thàng, Tả Phìn; các trường tiểu học: số 1 Sính Phình, Tủa Thàng số 2, huyện Tủa Chùa	6.860.000.000	6.497.922.000	6.466.628.000	-31.294.000	
44	Trường mầm non Sao Mai, huyện Tuần Giáo	3.750.000.000	3.558.792.000	3.534.515.000	-24.277.000	
45	Đường trung tâm xã Na Cô Sa - Huổi Thùng 3, huyện Mường Nhé	11.700.000.000	11.288.486.600	11.246.478.600	-42.008.000	
46	Trường THCS Chung Chải, huyện Mường Nhé	7.000.000.000	6.610.121.000	6.610.910.000	789.000	
47	Nhà lớp học các trường mầm non: Sen Thượng, Leng Su Sín, Chung Chải, Nậm VI, huyện Mường Nhé	9.790.000.000	9.185.531.000	9.105.112.000	-80.419.000	
48	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học Phình Giăng, Pù Hồng; các điểm trường tiểu học Noong U, Pù Nhi, Tân Lập, Tia Đình, huyện Điện Biên Đông	8.700.000.000	8.036.603.000	8.029.828.000	-6.775.000	
49	Trụ sở liên cơ trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, trạm khuyến nông, hạt kiểm lâm huyện Nậm Pồ	10.000.000.000	9.908.068.000	9.902.880.000	-5.188.000	
50	Trường mầm non Tênh Phong, huyện Tuần Giáo	3.920.000.000	3.475.425.000	3.465.626.000	-9.799.000	
51	Trường mầm non Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	650.000.000	587.514.000	573.344.000	-14.170.000	
52	Đường vào bản Huổi Lịch 1, xã Pá Mý, huyện Mường Nhé	8.896.000.000	8.071.854.822	7.942.430.822	-129.424.000	
53	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy Dân chính Đảng tỉnh Điện Biên	3.500.000.000	3.289.513.966	3.264.686.295	-24.827.671	
54	Mốc đại số 113 tại Cửa khẩu Quốc tế Tây Trang (Điện Biên) - Pang Hóc (Phong Sa Lý)	3.040.534.013	2.773.940.646	2.747.490.000	-26.450.646	
55	Trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự xã - Công an xã (03 xã: Mường Phăng, Mường Pồn, Mường Nhà), huyện Điện Biên	3.900.000.000	3.894.965.285	3.871.124.285	-23.841.000	
56	Thủy lợi Nà Láo, xã Nà Tấu, huyện Điện Biên	7.484.000.000	7.329.801.964	7.283.376.464	-46.425.500	
57	Đường giao thông vào bản Huổi Ban, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	1.264.820.000	1.121.374.000	1.114.093.000	-7.281.000	
58	Nhà ký túc xá học viên và các hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	13.730.000.000	13.315.032.912	13.263.935.912	-51.097.000	
59	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Đun và các bản lân cận huyện Tủa Chùa	4.500.000.000	4.118.231.000	4.104.029.000	-14.202.000	
60	Hạng mục công trình: Chợ trung tâm huyện Tủa Chùa	8.890.275.395	8.240.663.999	8.217.401.999	-23.262.000	
61	Đầu tư trang thiết bị cho hệ thống quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Điện Biên	10.000.000.000	7.963.544.000	7.963.544.000	0	
62	Nâng cao năng lực trung tâm thông tin và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh Điện Biên	12.210.000.000	11.226.977.000	11.226.977.000	0	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
63	Đường Phiêng Pi - Trại Phong, huyện Tuần Giáo	46.300.000.000	44.855.828.000	44.687.261.709	-168.566.291	
64	Nhà lớp học trường THCS thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông	5.350.000.000	5.221.501.000	5.203.796.500	-17.704.500	
65	Trường mầm non Lao Xả Phình, huyện Tủa Chùa	2.300.000.000	2.209.537.000	2.186.875.000	-22.662.000	
66	Trụ sở xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	7.500.000.000	7.363.815.000	7.336.036.000	-27.779.000	
67	Kè bảo vệ khu dân cư bản Dữm, bản Hiệu, xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo	6.800.000.000	6.299.582.000	6.278.385.000	-21.197.000	
68	Nhà lớp học các trường mầm non: số 01 Pá Khoang, số 02 Mường Pồn, Pa Thơm, Na Ú, huyện Điện Biên	4.590.000.000	3.829.540.000	3.806.892.000	-22.648.000	
69	Sửa chữa, hốt sạt tuyến kênh Nậm Ngám - Pú Nhi đoạn Km13+880-Km13+960 và đoạn Km15+904-Km15+925, huyện Điện Biên Đông	1.200.000.000	953.989.000	942.266.000	-11.723.000	
70	Thủy lợi bản Huổi Thanh 1, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	26.000.000.000	24.342.757.000	24.212.314.000	-130.443.000	
71	Sửa chữa đường giao thông nội thị Mường Nhé (đoạn tuyến từ Trung tâm giáo dục thường xuyên đến trục đường 39m (Bến xe khách); nhánh Trung tâm giáo dục thường xuyên - Cung văn hóa thiếu nhi và nhánh trục đường 32m đến trục đường 15m (cổng Ban CHQS huyện)	5.218.703.000	4.971.927.329	4.952.998.329	-18.929.000	
72	Nhà lớp học các trường mầm non: số 1 Na Tông, Hẹ Muông, Núa Ngam, Pú Lau, Phu Luông, huyện Điện Biên	5.280.000.000	5.180.883.000	5.146.451.260	-34.431.740	
73	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Nhà và các bản lân cận huyện Điện Biên	6.065.000.000	5.670.478.000	5.649.310.000	-21.168.000	
74	Kè chống sạt lở suối Nậm Seo, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	2.000.000.000	1.860.484.000	1.853.484.000	-7.000.000	
75	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: số 2 Na Tông, Pú Lau, Mường Lói, huyện Điện Biên	4.060.000.000	3.920.120.000	3.895.453.000	-24.667.000	
76	Nhà lớp học các trường mầm non: Phình Sáng, Ta Ma, Quài Cang, huyện Tuần Giáo	7.420.000.000	6.657.193.000	6.631.599.000	-25.594.000	
77	Trường mầm non Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	4.800.000.000	4.748.168.000	4.697.610.000	-50.558.000	
78	Trụ sở xã Tả Tình, huyện Tuần Giáo	7.300.000.000	7.051.585.000	7.003.953.000	-47.632.000	
79	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Nậm Vi, Chung Chải số 2, Leng Su Sin, Sen Thượng, Huổi Lếch và Trường tiểu học Mường Toong số 1, huyện Mường Nhé	4.800.000.000	4.186.810.000	4.185.100.000	-1.710.000	
80	Thủy lợi Nà Sa, xã Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	28.850.000.000	28.027.114.796	27.932.876.333	-94.238.463	
81	Cấp nước sinh hoạt bản Sư Lư 1,2,3,4,5 xã Na Son, huyện Điện Biên Đông	4.950.000.000	4.302.313.000	4.301.325.000	-988.000	
82	Kè chống sạt lở suối Mường Báng, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	5.500.000.000	5.218.730.000	5.199.436.000	-19.294.000	
83	Cấp nước trạm cửa khẩu Huổi Puốc, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	1.000.000.000	972.198.000	947.946.000	-24.252.000	
84	Xây dựng đường vào và các công trình phụ trợ thuộc di tích cấp quốc gia, danh lam thắng cảnh hang động Xá Nhè và Khó Chua La, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	10.000.000.000	6.632.595.303	6.401.091.268	-231.504.035	
85	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	7.000.000.000	6.588.249.000	6.536.487.000	-51.762.000	
86	Đường vào bản Huổi Lư 3, xã Nà Khoa, huyện Mường Nhé (nay là xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ)	10.000.000.000	9.890.422.432	9.855.507.000	-34.915.432	
87	Trồng cây phân tán tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020	15.867.000.000	5.468.773.064	5.468.773.064	0	
88	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Mường Nhé	1.987.500.000	1.981.821.989	1.941.216.000	-40.605.989	
89	Nhà ở, làm việc cho cán bộ chiến sĩ Trạm kiểm soát biên giới Việt - Lào (Huổi Puốc)	3.500.000.000	3.477.616.000	3.452.507.000	-25.109.000	
90	Xây dựng một số tấm biển lớn tại các cửa khẩu	6.000.000.000	5.511.179.000	5.462.196.000	-48.983.000	
91	Nhà lớp học các trường mầm non: Tủa Thàng số 2, Trung Thu, Tả Phìn, Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa	4.912.000.000	4.885.759.000	4.852.600.000	-33.159.000	
92	Trường mầm non Nậm Nền, xã Nậm Nền, huyện Mường Chà	5.700.000.000	5.560.096.000	5.523.577.000	-36.519.000	
93	Trường mầm non Khong Hìn, huyện Tuần Giáo	5.010.000.000	4.616.951.000	4.579.838.000	-37.113.000	
94	Trạm y tế xã Pa Ham, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	5.000.000.000	4.950.457.200	4.931.044.200	-19.413.000	
95	Nhà lớp học các trường PTDTBT Tiểu học: Rạng Đông, Tênh Phông; các trường Tiểu học: Khong Hìn, Mùn Chung, Nậm Mực, Nà Tông, huyện Tuần Giáo	10.360.000.000	8.844.381.000	8.817.438.000	-26.943.000	
96	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trại thực hành khuyến nông, khuyến lâm Trường phổ thông DTNT tỉnh	3.500.000.000	3.478.513.000	3.464.773.000	-13.740.000	
97	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Pá Mý số 2 Quảng Lâm, Nậm Kè số 1 và Trường tiểu học Nậm Kè số 2, huyện Mường Nhé	4.900.000.000	4.546.189.000	4.535.850.000	-10.339.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
98	Cải tạo, sửa chữa nhỏ Trung tâm Y tế huyện Điện Biên	4.000.000.000	3.886.268.000	3.863.987.000	-22.281.000	
99	Nhà văn hóa Pa Tần, huyện Nậm Pồ	2.500.000.000	2.457.753.000	2.437.653.000	-20.100.000	
100	Trường mầm non Hoa Ban, huyện Điện Biên Đông	2.900.000.000	2.482.778.140	2.452.054.140	-30.724.000	
101	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung một số hạng mục công trình Trụ sở làm việc (cơ sở 1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	705.000.000	627.808.500	621.111.000	-6.697.500	
102	Nâng cấp, mở rộng trụ sở huyện ủy Tòa Chùa	6.728.000.000	5.958.070.000	5.905.367.000	-52.703.000	
103	Sửa chữa nhà bếp, nhà ăn và xây dựng nhà sinh hoạt tập thể, giáo dục thể chất Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	4.520.000.000	4.471.070.200	4.444.175.200	-26.895.000	
104	Trạm y tế xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông	5.000.000.000	4.960.258.100	4.937.441.100	-22.817.000	
105	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất khu Nà Sừ, xã Chả Nưa, huyện Nậm Pồ	7.000.000.000	6.599.602.000	6.553.276.000	-46.326.000	
106	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã - Công an xã (03 xã), huyện Mường Chà	3.900.000.000	3.186.671.000	3.143.101.044	-43.569.956	
107	Trường THCS xã Nà Sáy, huyện Tuần Giáo	9.200.000.000	8.545.408.000	8.500.826.000	-44.582.000	
108	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên	11.900.000.000	11.872.286.581	11.784.786.000	-87.500.581	
109	Nhà ở cán bộ, chiến sỹ Trạm kiểm soát Nà Búng - Đồn Biên phòng Nà Búng, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên	5.900.000.000	5.781.636.000	5.712.442.000	-69.194.000	
110	Trường THCS và THPT Quải Tờ, huyện Tuần Giáo	4.680.000.000	4.498.342.000	4.474.705.000	-23.637.000	
111	Trường mầm non Na Sang, huyện Mường Chà	7.900.000.000	7.074.574.000	7.024.893.000	-49.681.000	
112	Trạm y tế xã Háng Lía, huyện Điện Biên Đông	5.000.000.000	4.961.363.900	4.934.508.900	-26.855.000	
113	Trường Trung học cơ sở Huổi Mí, xã Huổi Mí, huyện Mường Chà	10.800.000.000	10.624.147.000	10.585.529.000	-38.618.000	
114	Cấp nước sinh hoạt bản Nậm Là 2 và bản Tân Phong, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	4.434.000.000	4.247.113.813	4.241.228.000	-5.885.813	
115	Trụ sở liên cơ trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, hạt kiểm lâm huyện Mường Ảng	8.000.000.000	7.000.262.000	6.939.759.000	-60.503.000	
116	Xây dựng trụ sở xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	7.000.000.000	6.932.506.000	6.898.093.000	-34.413.000	
117	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt trung tâm xã Quải Nưa và các bản lân cận huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	6.091.000.000	5.335.920.000	5.317.866.000	-18.054.000	
118	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà kho, các hạng mục phụ trợ - Chi cục thú y	980.000.000	959.817.869	946.024.869	-13.793.000	
119	Nước sinh hoạt bản Huổi Thanh 1, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	1.660.000.000	1.529.708.993	1.526.223.000	-3.485.993	
120	Trạm y tế xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo	4.500.000.000	4.475.532.500	4.441.901.500	-33.631.000	
121	Trạm y tế xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	5.000.000.000	4.981.606.200	4.954.604.200	-27.002.000	
122	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Noong Hẹt và các bản lân cận huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	10.215.000.000	9.864.699.000	9.838.363.000	-26.336.000	
123	Sửa chữa công chính, nhà quản trang, tường rào nghĩa trang liệt sĩ A1, tỉnh Điện Biên	650.000.000	599.790.000	591.431.000	-8.359.000	
124	Sửa chữa, nâng cấp kè bảo vệ trường rào nghĩa trang liệt sĩ Độc Lập, tỉnh Điện Biên	650.000.000	546.570.000	542.583.000	-3.987.000	
125	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Ngòi Cây và các bản lân cận huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	5.500.000.000	4.611.903.000	4.607.513.000	-4.390.000	
126	Trụ sở xã Mường Đun, huyện Tòa Chùa	6.350.000.000	6.243.456.500	6.207.995.000	-35.461.500	